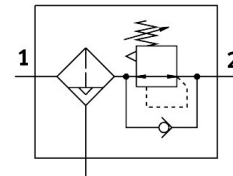


# Van cơ bản LFR-D-DI-MAXI-A

Số bộ phận: 546515

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | Maxi                                            |
| Dòng                                                       | D                                               |
| bảo vệ hành động                                           | Núm xoay có khóa                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                      |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 40 µm                                           |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | hoàn toàn tự động                               |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ điều chỉnh bộ lọc không có áp kế             |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 1.45 fl oz (US)                                 |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giỏ bảo vệ kim loại                             |
| Bộ hiển thị áp suất                                        | G1/4 được chuẩn bị                              |
| Áp suất vận hành                                           | 0.2 MPA...1.2 MPA<br>2 bar...12 bar             |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất                                 | 0.5 bar...12 bar                                |
| Độ trễ áp suất tối đa                                      | 0.04 MPA<br>0.4 bar<br>5.8 psi                  |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 707 cfm                                         |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:9:-]<br>Khí trơ |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                          |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                               |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | 14 °F...140 °F                                  |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4]<br>Khí trơ |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 41 °F...140 °F                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 41 °F...140 °F                                  |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 56 oz                                           |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây                               |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                   |
| Vật liệu vỏ                                                | Kém đúc áp lực<br>PC                            |